TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHỤNG HIỆP** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17-4-2023
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Quyến
Ông Phan Công Điện

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Công Trận – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 593/2022/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 10 năm 2022, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 18A/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số 03/TB-TA ngày 21 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1983; Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện H, tỉnh Long An.

Bị đơn: Anh Lê Hồng K, sinh năm 1983; Địa chỉ: ấp 2, xã T, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị T trình bày: Về quan hệ hôn nhân, chị và Anh Lê Hồng K tự nguyện kết hôn theo phong tục tập quan đồng thời thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Thuận, xã An Ninh Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long

An. Trong thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng năm 2018 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong thời gian dài đến năm 2020 sống ly thân đến nay. Do mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T xin ly hôn với anh K; Về con chung có một con chung cháu Lê Quốc Kh(giới tính: nam), sinh ngày 02/9/2010 đang sinh sống với chị T, sau khi khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi và không yêu cầu anh K cấp dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Anh Lê Hồng K được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhưng vắng mặt nên không có ý kiến trình bày trong vụ kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau: Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Về nội dung vụ án, đề nghị: Về quan hệ hôn nhân, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về con chung giao nguyên đơn nuôi và bị đơn chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không xem xét.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn có thực hiện đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn được pháp luật công nhận là vợ chồng. Khi mâu thuẫn xảy ra không thể hàn gắn được nên nguyên đơn xin ly hôn với bị đơn, để tạo điều kiện cho nguyên đơn và bị đơn hàn gắn hôn nhân. Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, nguyên đơn xác định không còn tình cảm với bị đơn, không mong muốn hàn gắn. Trong khi đó, bị đơn vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng tại Tòa án, điều

đó cho thấy bị đơn cũng không mong muốn hàn gắn hôn nhân với nguyên đơn. Xét quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn được chấp nhận.

[4] Về con chung: Nguyên đơn thừa nhận có một con chung với bị đơn cháu Lê Quốc Kh(giới tính: nam), sinh ngày 02/9/2010 và có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy từ khi nguyên đơn và bị đơn sống ly thân năm 2020 đến nay cháu Khánh sống chung với nguyên đơn đồng thời cháu có nguyện vọng được sống chung với nguyên đơn. Bên cạnh đó, bị đơn không có văn bản trình bày về con chung và để giữ môi trường sống ổn định cho cháu Khánh nên yêu cầu nuôi con chung của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144 và Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 9, 53, 56, 57, 81, 82, 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với bị đơn Anh Lê Hồng K.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Quốc Kh(giới tính: nam), sinh ngày 02/9/2010 đến khi trưởng thành. Anh Lê Hồng K chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho Anh Lê Hồng K, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn khai không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008489 ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp thành án phí.

5. Nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Phụng Hiệp;
- Ủy ban nhân dân nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Hiếu